

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 369/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Hồng Vân
- Ông Nguyễn Quang Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 693/2023/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2024/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Cao Thị Hoàng L, sinh năm 1992
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.
- Bị đơn:** Ông Trần Anh T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Phường M, thành phố N, tỉnh N.
Tạm trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cao Thị Hoàng L trình bày:

Bà Cao Thị Hoàng L và ông Trần Anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2019, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2019 ngày 05 tháng 9 năm 2019. Thời gian đầu bà L và ông T chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con; ông T còn dùng lời nói xúc phạm và bạo lực với bà L. Bà L có khuyến nhủ

nhiều lần, nhưng ông T vẫn không thay đổi nên vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và ly thân từ tháng 5/2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên Trần Chí H, sinh ngày 24/01/2019, giới tính nam và Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/7/2021, giới tính nữ. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác nhận bà L và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận bà L và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông T cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Hoàng L nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Hoàng L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh T; yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; và xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Trần Anh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Hoàng L.

- Về con chung: Giao trẻ Trần Chí H và trẻ Trần Ngọc Bảo A cho bà Cao Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Anh T.

- Về án phí: Bà Cao Thị Hoàng L chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Cao Thị Hoàng L yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Anh T. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 613/TLKH-BS ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H xác định bà Cao Thị Hoàng L và ông Trần Anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2019 ngày 05 tháng 9 năm 2019. Như vậy hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà L trình bày thì bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con. Bà L đã khuyên nhủ nhiều lần, nhưng ông T vẫn không thay đổi mà còn xúc phạm, bạo lực với bà L nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023. Nay bà L không còn tình cảm với ông T, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án cho bà L được ly hôn với ông T.

Đối với ông Trần Anh T, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà L, chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ.

Mặt khác, căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H thì vợ chồng bà Cao Thị Hoàng L và ông Trần Anh T không có tiếng nói chung, ông T có xu hướng bạo lực khi xảy ra mâu thuẫn.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà L xin ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà L xác định bà L và ông T có 02 (hai) con chung tên Trần Chí H, sinh ngày 24/01/2019, giới tính nam và Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/7/2021, giới tính nữ. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (hai) con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ H và trẻ A hiện còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao trẻ H và trẻ A cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà L trình bày bà L và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Bà L trình bày bà L và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Cao Thị Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị Hoàng L đối với ông Trần Anh T.

Bà Cao Thị Hoàng L được ly hôn với ông Trần Anh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2019 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H cấp ngày 05 tháng 9 năm 2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Chí H, sinh ngày 24/01/2019, giới tính nam và Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/7/2021, giới tính nữ cho bà Cao Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Cao Thị Hoàng L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra đề giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Cao Thị Hoàng L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra đề giải quyết.

5. Về án phí: Bà Cao Thị Hoàng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020169 ngày 22/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)



Bùi Xuân Hương